



DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.097

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ VÀ NHẬN THỨC CỦA GIÁO VIÊN: NGHIÊN CỨU Ở TRƯỜNG CHUYÊN NGUYỄN THỊ MINH KHAI, TỈNH SÓC TRĂNG

Huỳnh Vũ Lam*

Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, Sóc Trăng

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Tên tác giả (email: huynhvulam@soctrang.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/03/2019

Ngày nhận bài sửa: 13/05/2019

Ngày duyệt đăng: 22/07/2019

Title:

School-based curriculum development in relation to teaching with theme-based approaches and teachers' awareness - A case study of Nguyen Thi Minh Khai gifted high school in Soc Trang province

Từ khóa:

Chương trình nhà trường, nhận thức của giáo viên, thiết kế dạy học theo chủ đề

Keywords:

Teaching plan with theme-based approaches, teachers' awareness, school-based curriculum

ABSTRACT

Teachers of high schools need to design the teaching plan with theme-based approaches to promote learners' competence in order to meet the request of the Vietnamese Ministry of Education and Training. However, the implementation of this policy has had difficulty due to the problems in the current program distribution. To overcome the situation that builds up the topic by connecting various subjects in rigid way and supporting teachers to effectively use active teaching methods, Nguyen Thi Minh Khai gifted high school, Soc Trang province, has developed a school-based curriculum in recent years. In fact, building school's program not only meets the school's educational goals but also changes the teachers' awareness.

TÓM TẮT

Giáo viên các trường phổ thông cần thiết kế dạy học theo chủ đề nhằm phát huy năng lực người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương này gặp nhiều khó khăn do bị vướng trong phân phối chương trình hiện hành. Nhằm khắc phục tình trạng xây dựng chủ đề theo cách ghép cơ học các nội dung dạy học và hỗ trợ giáo viên sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, tỉnh Sóc Trăng đã phát triển chương trình nhà trường trong vài năm học gần đây. Thực tế việc xây dựng và ứng dụng chương trình nhà trường không chỉ đáp ứng mục tiêu giáo dục của trường chuyên mà còn làm thay đổi nhận thức của giáo viên.

Trích dẫn: Huỳnh Vũ Lam, 2019. Phát triển chương trình nhà trường trong mối liên hệ với dạy học theo chủ đề và nhận thức của giáo viên: Nghiên cứu ở trường chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục): 39-46.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình nhà trường (CTNT) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) cho phép thực

hiện thí điểm từ năm 2013 trong các trường trung học thực hành thuộc 5 trường đại học và Viện khoa học Giáo dục Việt Nam¹ tại công văn số 791/HD-

¹ Gồm: 1) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và trường THCS-THPT Nguyễn Tất Thành thuộc trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Sở GD&ĐT Hà Nội; 2) Trường Đại học

Sư phạm TP. Hồ Chí Minh và trường THPT thực hành thuộc trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh; 3) Trường Đại học Sư phạm

BGD&ĐT ngày 25/6/2013 hướng dẫn thi điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Trong đó, ngoài các yêu cầu hướng dẫn các trường thực hành vừa nêu, Bộ GD&ĐT cũng “Khuyến khích các trường/ khoa sư phạm và các trường phổ thông khác trên phạm vi cả nước tự nguyện tham gia từng phần hoặc toàn bộ các hoạt động thi điểm phát triển CT giáo dục nhà trường phổ thông” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Bên cạnh, một trong những yêu cầu quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học là tăng cường tính chủ động và hướng tới phát triển năng lực người học vốn đã được thực hiện tích cực và có hiệu quả trong khoảng 10 năm gần đây (Nguyễn Trọng Hoàn, 2017). Bước đầu nhiều trường đã khuyến khích tổ chuyên môn (CM) xây dựng các chủ đề dạy học theo cách sắp xếp các bài có nội dung gần nhau và bỏ đi những phần kiến thức trùng lặp. Tuy vậy, việc thiết kế theo cách này đã gặp phải một số trở ngại do phân phối chương trình hiện hành bố trí theo từng tiết học và theo tiến độ thời gian thống nhất trong toàn quốc. Kết quả là một số thầy cô giáo, theo năng lực hiểu biết của bản thân, đã lắp ghép cơ học các nội dung và thiết kế chấp vá các phương pháp dạy học để đáp ứng đòi hỏi của việc dạy theo chủ đề. Chỉ khi nào các trường phổ thông tự xây dựng một chương trình riêng với đặc điểm phù hợp thực tế địa phương và thực trạng đội ngũ, không vượt khỏi khung chương trình hiện hành thì khi đó nhà trường mới có khả năng hỗ trợ giáo viên khắc phục các trở ngại nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Xuất phát từ suy nghĩ đó, trong ba năm học (2015-2017), trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, tỉnh Sóc Trăng đã phát triển CTNT với mong muốn xây dựng một chương trình dạy học đồng bộ, hỗ trợ tốt nhất cho việc dạy học theo chủ đề từ chương trình hiện hành. Phát triển CTNT vừa đáp ứng yêu cầu dạy học sinh (HS) các lớp chuyên vừa bước đầu đã làm thay đổi nhận thức trong đội ngũ giáo viên (GV).

2 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Phát triển CTNT và xây dựng chủ đề dạy học

Khái niệm, nội hàm và quy trình thực hiện CTNT là những vấn đề hàng đầu mà đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý trường phổ thông cần phải thống nhất trước khi tiến hành xây dựng. Theo quan điểm của Bộ GD&ĐT, CTNT là “văn bản kế hoạch

giáo dục theo định hướng phát triển năng lực HS theo hướng tăng cường năng lực thực hành, vận dụng kiến thức, giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật,... do nhà trường phổ thông ban hành” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Theo Trần Trọng Hà (2015), CTNT được hiểu là “Chương trình do nhà trường phát triển dựa trên chương trình quốc gia nhưng có điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đối tượng HS, điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường”. Mặc dù do nhà trường ban hành nhưng việc phát triển CTNT cần “đảm bảo chuẩn kiến thức bậc học, đảm bảo tính cập nhật và hiện đại và đảm bảo các quy tắc, quá trình dạy học” (Trần Hữu Hoàn, 2011). Theo Nguyễn Hữu Châu (2006) thì cơ sở quan trọng để xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực là hoạt động vì dạy học dựa trên các hoạt động nhằm khắc phục sự thụ động và đơn điệu trong học tập cũng như khắc phục sự tách rời khỏi nhu cầu và các mối quan tâm của HS trong chương trình truyền thống; cơ sở lý luận của chương trình này là con người chỉ có thể học những gì mà họ trải qua.

Trong hướng dẫn xây dựng thi điểm CTNT, Bộ GD&ĐT (2013) đã đề xuất các công việc mà trường phổ thông phải thực hiện gồm (1) Điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học trong chương trình hiện hành và xây dựng kế hoạch giáo dục mới ở từng môn học, hoạt động giáo dục và của nhà trường; (2) Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo định hướng phát triển năng lực HS và (3) Đổi mới quản lý hoạt động dạy học, giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả phát triển chương trình giáo dục nhà trường. Trong các công việc đó thì nhiệm vụ (1) là nền tảng quan trọng nhất, quyết định các khâu còn lại. Chính vì vậy, điều chỉnh nội dung của chương trình hiện hành và xây dựng kế hoạch giáo dục mới của từng môn học là những công việc khó nhất bởi lẽ nếu lấy phân phối chương trình hiện tại của Bộ GD&ĐT mà soạn bài theo chủ đề dạy học thì GV sẽ gặp khó khăn về mặt thời gian của mỗi tiết học. Nếu phát triển chương trình hiện hành thành chương trình giáo dục của riêng đơn vị theo hướng xóa bỏ những thông tin lạc hậu, trùng lặp, trên ngưỡng hoặc dưới ngưỡng tiếp nhận của HS thì GV sẽ rất chủ động về mặt thời gian. Nội dung dạy học được thiết kế theo kiểu chủ đề, trải dài trong nhiều tiết, mỗi tiết là một số hoạt động phục vụ cho chủ đề đó và thời gian có thể co giãn tùy vào đối tượng HS. Ví dụ, với HS lớp chuyên Toán thì môn Toán sẽ là môn có số

Thái Nguyên và trường THPT Thái Nguyên thuộc trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc; Sở GD&ĐT Thái Nguyên; 4) Đại học Vinh và trường THPT Chuyên thuộc trường Đại học Vinh; trường THPT Lê Viết Thuật (Nghệ An) và Sở GD&ĐT Nghệ An; 5) Khoa Sư phạm trường Đại học Cần Thơ và

trường THPT thực hành thuộc trường Đại học Cần Thơ, Sở GD&ĐT Cần Thơ; 6) Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (KHGDVN) và các Trường phổ thông cơ sở thực nghiệm, trường THPT thực nghiệm thuộc Viện KHGDVN.

tiết nhiều, ưu tiên ở phần kiến thức và kỹ năng chuyên sâu nhằm phục vụ cho nhiều kì thi; còn với các môn còn lại thì cách triển khai sẽ chú trọng vào rèn kỹ năng, vun đắp thái độ, nhẹ nhàng về kiến thức và đề cao ứng dụng thực tế.

Bộ GD&ĐT (2013) cũng đặc biệt yêu cầu các trường phổ thông cần xây dựng chủ đề liên môn trong khi phát triển CTNT. Chủ đề liên môn bao gồm các nội dung dạy học chưa được xây dựng trong chương trình các môn học hiện hành. Một chủ đề dạy học bao gồm các nội dung dạy học gần giống nhau, có liên quan chặt chẽ với nhau (có thể đang trùng nhau) trong các môn học hiện hành có liên hệ nhau thuộc lĩnh vực Khoa học Tự nhiên hoặc Khoa học Xã hội và Nhân văn. Từ đó, phạm vi kiến thức cũng không còn gói gọn trong chương trình dạy học mà sẽ vươn ra các vấn đề thời sự của địa phương và đất nước hoặc các lĩnh vực khác thuộc đời sống chính trị xã hội. Thẩm quyền quyết định thuộc về nhà trường “Xét nội dung của chủ đề liên môn, điều kiện về giáo viên,... mỗi chủ đề liên môn được đưa bổ sung vào kế hoạch dạy học của một môn học nào đó do nhà trường quyết định”. Khi phát triển CTNT theo hướng như đã trình bày thì dạy học theo chủ đề sẽ rất thuận lợi cho GV cũng như cán bộ quản lí. Song song đó, việc xây dựng các chủ đề liên môn cũng giúp cho HS bớt đi nhàm chán do tình trạng lặp lại nội dung kiến thức ở các môn trong cùng một lĩnh vực khoa học.

Về quy trình dạy học, nếu áp dụng thiết kế theo chủ đề thì một tiết học sẽ được tiến hành dựa trên các hoạt động dạy học và qua đó mục tiêu đạt đến là một đơn vị kiến thức hay kỹ năng cụ thể. Các bước dạy học trở nên linh động và sát với đối tượng HS hơn. Các bước tổ chức dạy một đơn vị kiến thức trước đây sẽ trở thành các hoạt động có ngữ cảnh tiên.

2.2 Cách thức phát triển CTNT theo chủ đề dạy học

Từ năm học 2014-2015, Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai tỉnh Sóc Trăng đã bắt đầu chủ trương phát triển chương trình trường chuyên theo hướng thiết kế lại chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006). Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách CM đã tổ chức tập huấn cho tổ trưởng CM và GV về quan điểm, cách thức và phương pháp tiến hành. Bước đầu, nhà trường hướng dẫn tất cả các tổ CM rồi sau đó không bắt buộc tất cả phải thực hiện mà để cho một số môn đăng kí thử nghiệm. Kết quả là năm học này có hai môn đăng kí: Lịch sử và Vật lí. Cuối năm học, lãnh đạo trường và tổ CM cùng nhau rút kinh nghiệm và nhân rộng cách làm. Kết quả cho thấy cách làm của

đơn vị vẫn chỉ mới dừng lại ở việc xây dựng lại phân phối chương trình, gom một số bài gần nhau để dạy chung và sách giáo khoa vẫn là tài liệu dạy học chính thức. Hai năm học tiếp theo, công tác phát triển chương trình cũng chưa thực sự tiến bộ nhiều mặc dù một số môn khác như Ngữ văn, Toán, Hóa học, Sinh học cũng bắt đầu tham gia sắp xếp lại chương trình. Nguyên nhân chính là GV chưa thực sự tuân thủ các bước xây dựng chương trình và cán bộ quản lí vẫn chưa tạo được “khoảng không gian tác nghiệp” cần thiết cho GV tham gia.

Năm học 2017-2018, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện chỉ đạo tất cả các tổ CM tiến hành phát triển CTNT, trong đó môn Ngữ văn được tăng cường một Phó hiệu trưởng trực tiếp tham gia chỉ đạo thực hiện. Sau hai tháng chuẩn bị, tổ Ngữ văn trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai đã phát triển được chương trình Ngữ văn lớp 10 và 11 theo hướng dạy học theo chủ đề. Trường sử dụng quan điểm của Trần Thanh Bình và Phan Tấn Chí (2014) để xây dựng chương trình gồm các bước sau:

- Bước 1: Tổ trưởng phân công nhiệm vụ cho từng nhóm GV theo khối lớp dạy, quy định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ cần làm khi phát triển CTNT.

- Bước 2: Tiến hành phân tích chương trình hiện hành để thấy được những nội dung cơ bản cần đạt. Sau đó từng nhóm sẽ đối chiếu so sánh với sách giáo khoa để tìm ra những yếu tố nặng về lí thuyết (Tiếng Việt và Làm văn), những nội dung trùng lặp, những nội dung chưa thật sự cơ bản của môn học. Song song đó, Hiệu trưởng cũng chỉ đạo nhóm GV môn Lịch sử cùng thảo luận với GV Ngữ văn để tìm những vấn đề chung gần gũi giữa hai bộ môn nhằm xây dựng các chủ đề liên môn.

- Bước 3: Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học theo chuẩn đầu ra, tức là dùng những động từ có thể đo lường được kết quả đầu ra mà người học đạt được (Lê Chi Lan, 2017). Trong đó chú ý đến việc xác định thái độ (cảm nhận của cá nhân về con người sự vật và hiện tượng xung quanh) và giá trị (hệ thống niềm tin và những nguyên tắc ứng xử của cá nhân và cộng đồng được thể hiện qua suy nghĩ và hành động của con người).

- Bước 4: Xây dựng chương trình môn học.

- Bước 5: Thiết kế các nội dung dạy học thành chủ đề, trong chủ đề có các hoạt động dạy học và một số hoạt động giáo dục khác.

- Bước 6: Tổ chức cho GV dạy các chủ đề, thực hiện kiểm tra đánh giá, GV trong nhóm dự giờ và rút kinh nghiệm sau khi thực hiện giáo án.

Sản phẩm của quy trình này là khung chương trình và các thiết kế dạy học theo hành động. Ví dụ chương trình Ngữ văn 10 được biên soạn như sau:

Bảng 1: Chương trình Nhà trường theo chủ đề của môn Ngữ văn 10

Tuần	Chủ đề	Tên bài	Số tiết
Tuần 1 Tiết 1-3		Tổng quan văn học Việt Nam; Khái quát văn học dân gian Việt Nam Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ	2 1
Tuần 2 Tiết: 4-6	Chủ đề 1: Ngôn ngữ - Tạo lập và tiếp nhận	Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp theo) Văn bản Văn bản (tiếp theo) Bài viết số 1 (ở nhà)viết bài văn biểu cảm	3
Tuần 3, 4 Tiết: 7-11	Chủ đề 2: Khúc ca người anh hùng thời cổ đại	<i>Chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích sử thi <i>Đăm Săn</i>). <i>Uy-lít-xơ trở về</i> (trích <i>Ô-đi-xê</i>). <i>Ra-ma buộc tội</i> (trích <i>Ra-ma-ya-na</i>). Trả bài viết số 1	5
Tuần 5, 6, 7 Tiết 12-21	Chủ đề 3: Bên lề lịch sử và cuộc đời	<i>Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy</i> <i>Tám Cám</i> <i>Tam đại con gà, Nhưng nó phải bằng hai mày</i> Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự Lập dàn ý bài văn tự sự Miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự Luyện tập viết đoạn văn tự sự Tóm tắt văn bản tự sự Bài viết số 2 (ở lớp) viết bài văn tự sự	12
Tuần 8 Tiết 22-24	Chủ đề 5: Thơ dân gian – tâm tình người lao động	<i>Ca dao hài hước</i> (dạy bài 1,2) <i>Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa</i> (dạy bài 1,4,6) <i>Đọc thêm: Lời tiễn dặn</i> (Trích <i>Tiên dặn người yêu</i>)	3
		Ôn tập văn học dân gian Việt Nam	1
		Ôn tập văn học dân gian Việt Nam	1
Tuần 10 Tiết 28-30		Trả bài viết số 2; Ra đề bài viết số 3 (HS làm ở nhà viết bài văn Nghị luận Xã hội Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến hết thế kỉ XIX	1 1 1
Tuần 11, 12 Tiết 31-36	Chủ đề 6: Thơ Trung đại Việt Nam	<i>Tỏ lòng</i> (Phạm Ngũ Lão) <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi) <i>Nhàn</i> (Nguyễn Bỉnh Khiêm); <i>Đọc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du) <i>Đọc thêm: Vận nước</i> (Đỗ Pháp Thuận); <i>Cáo bệnh, bảo mọi người</i> (Mãn Giác); <i>Hứng trở về</i> (Nguyễn Trung Ngạn)	6

Từ CTNT môn Ngữ văn nêu trên, tổ CM tiến hành xây dựng các chủ đề dạy học. Trình tự xây dựng một chủ đề thường được tiến hành như sau (lấy ví dụ chủ đề 3: *Bên lề lịch sử và cuộc đời*)

Bước 1: Phân tích bài học và xác định chủ đề tích hợp

Trước hết, cơ sở xây dựng chủ đề thường được dựa trên 3 yếu tố:

+ **Phần văn bản đọc hiểu:** truyền thuyết *Truyện An Dương Vương và Mị Châu-Trọng Thủy*, truyện cổ tích *Tám Cám*, truyện cười *Tam đại con gà* và *Nhưng nó phải bằng hai mày*.

+ **Phần Tiếng Việt:** Tài liệu Ngữ văn địa phương tỉnh Sóc Trăng, tuần 35, tiết 136: Tìm hiểu lớp từ địa danh ở Sóc Trăng có nguồn gốc từ tiếng Khmer.

+ **Phần Làm văn:** Văn tự sự.

Truyền thuyết là lịch sử được nhìn từ thái độ đánh giá của dân gian, không chính thống; truyện cổ tích là xã hội được xây dựng qua tưởng tượng, không có thật; và truyện cười là phản ứng của con người vào thực trạng xấu xa của xã hội, muốn phủ nhận cái xấu. Điểm chung của ba thể loại này là các yếu tố *vượt ra ngoài xã hội và cuộc sống*. Vì vậy, tổ CM đã chọn chủ đề dạy học là “*Bên lề lịch sử và*

cuộc đời”. Phần Làm văn lấy việc hiểu thể loại tự sự làm nền tảng để HS vừa đọc hiểu các văn bản trong sách giáo khoa vừa có thể vận dụng để đọc những văn bản khác cùng thể loại ở ngoài đời sống. Ngoài ra, phần Tiếng Việt, tác giả lựa chọn các truyền thuyết của Sóc Trăng có các địa danh gắn liền với địa phương để đáp ứng tinh thần thực tiễn.

Bước 2: Xác định thời lượng: 4 tuần, 12 tiết; được thực hiện vào tuần 8 của học kì I.

Bước 3: Xây dựng nội dung chủ đề

1) Mục tiêu: Sau khi học xong chủ đề, HS cần:

a. Về kiến thức

- Phân biệt được đặc trưng các thể loại: truyền thuyết, cổ tích và truyện cười, tìm điểm chung giữa chúng.

- Xác định các mô-típ; chỉ ra nội dung chính trong từng văn bản

- Giải thích ý nghĩa của các yếu tố đặc trưng cho từng thể loại (*kì ảo* trong cổ tích, *tính cộng đồng* trong truyền thuyết; *mâu thuẫn* trong truyện cười)

- Phân tích vai trò của các yếu tố “bên lề” đối với sự phát triển cốt truyện của các thể loại.

b. Về kĩ năng

- Tóm tắt được cốt truyện

- Thuyết trình trước lớp một nội dung học tập.

- Phân tích, so sánh, đánh giá, liên kết được các nội dung cơ bản giữa văn bản cụ thể với hoàn cảnh lịch sử ra đời của nó.

- So sánh giữa cấu trúc văn bản và cấu trúc lời kể của một câu chuyện.

c. Thái độ

- Chấp nhận và ưa thích khi trình bày về những ước mơ, khát vọng chân chính, tinh thần nhân đạo và lạc quan bao đời của dân tộc.

- Có hồi đáp trong khi thuyết trình và dùng những từ ngữ tích cực khi nói về quê hương đất nước.

d. Các năng lực hướng tới

- Năng lực chung: giao tiếp, hợp tác, tự học.

- Năng lực chuyên biệt: Quan sát, phân tích và so sánh; làm việc theo nhóm, sử dụng tranh ảnh, sơ đồ.

2) Nội dung

- Bóng dáng lịch sử giữa đời thường: đặc trưng của truyền thuyết trong việc lí giải lịch sử theo quan điểm dân gian và lễ hội truyền thống;

- Văn thấp sáng ước mơ giữa bộn bề cuộc sống: đặc trưng hư cấu của truyện cổ tích (*Tám Cám*);

- Mười thang thuốc bỏ của cuộc sống nhân sinh;

- Nghệ thuật đặc sắc của từng thể loại.

3) Sản phẩm

- Bài thuyết trình về đặc điểm thể loại và ý nghĩa văn bản;

- Phim phóng sự về một số địa danh và các truyền thuyết có liên quan của vùng đất Sóc Trăng thời lượng khoảng 10 phút;

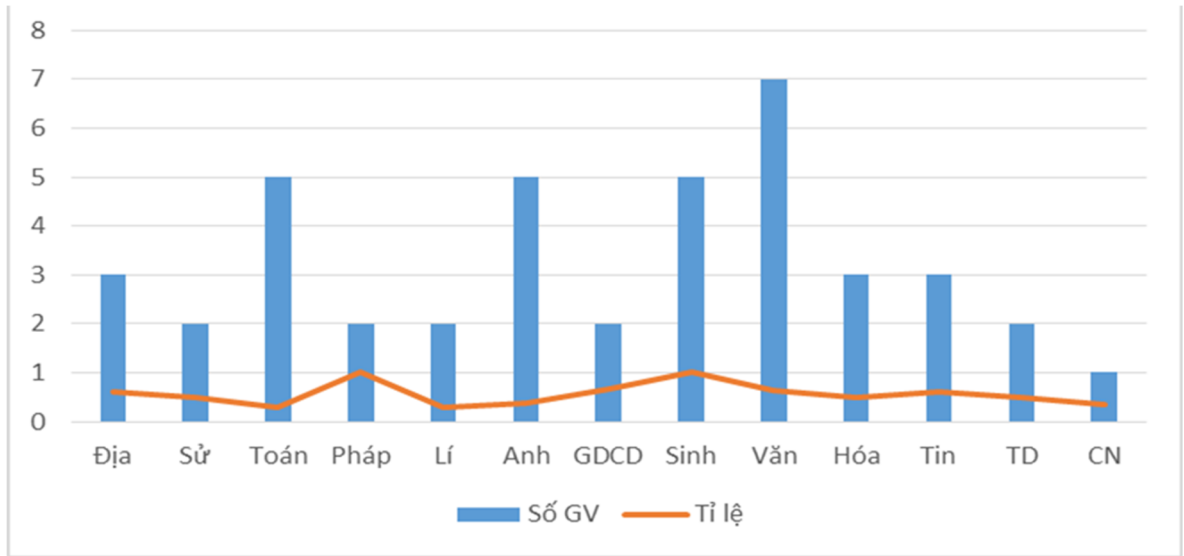
- Tập poster (báo tường) từ 5 đến 10 ảnh với chủ đề *Những phận đời cõi cát và cô Tấm trong cảm nhận của em*; mỗi ảnh có thuyết trình.

- Bài làm văn viết tại lớp.

2.3 Nhận thức của GV về phát triển CTNT

Qua các bước nêu trên, các tổ CM đã dần có những buổi sinh hoạt hướng về các vấn đề phát triển chương trình nhiều hơn. Tuy vậy, từ đây cũng phát sinh những khó khăn nhất định như: (1) một số ít GV dù dạy theo chương trình mới nhưng tư duy và phương pháp vẫn theo lối cũ, còn nặng kiến thức, ham lí thuyết và ít hoạt động phát huy năng lực HS; (2) xác định chuẩn kiến thức – kĩ năng cho từng chương trình chưa thật chặt chẽ bởi GV vẫn còn tâm lí đối phó với đề thi THPT Quốc gia của Bộ GD&ĐT, đặc biệt, tổ CM đã tránh động đến chương trình Ngữ văn lớp 12, chỉ thực hiện lớp 10 và 11.

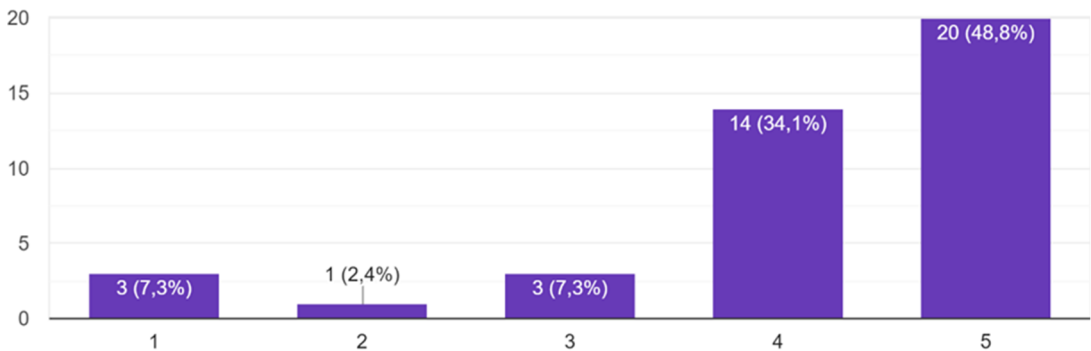
Nhằm đánh giá kết quả thực hiện việc phát triển CTNT, tác giả khảo sát ý kiến của GV trong đơn vị về việc quá trình xây dựng và áp dụng thực hiện. Nội dung khảo sát tập trung vào sự hiểu biết của GV đối với CTNT; đánh giá công tác chỉ đạo của hiệu trưởng; những ưu điểm của CTNT; những khó khăn của việc xây dựng chương trình và những ý kiến của cá nhân GV đóng góp cho việc xây dựng CTNT hoặc công tác quản lí. Khảo sát được thực hiện bằng cách tạo câu hỏi trực tuyến trên Google Drive và gửi email cho tất cả GV của trường. Kết quả có 42 GV tham gia khảo sát, được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1: Số lượng GV tham gia khảo sát theo môn

Trong số 42 GV khảo sát có 22 GV có trình độ sau đại học (chiếm 52%); 29 GV nữ (chiếm 69%); 11 GV có tuổi nghề 13 đến 14 năm (24,4%). Số lượng GV tham gia khảo sát nhiều tập trung ở các bộ môn Toán, Tiếng Anh, Tin học và Ngữ văn (34,2%). Tỉ lệ này cho thấy GV các môn vừa nêu đã thực sự tham gia thực hiện xây dựng CTNT và có trải nghiệm dạy học nên tính chủ động tự nguyện cao. Ở chiều ngược lại, khảo sát còn cho thấy ý thức của GV về công tác hỗ trợ nghiên cứu khoa học của đơn vị chưa thật cao khi rất nhiều môn số lượng GV tham gia khảo sát với tỉ lệ thấp (6 môn có số GV tham gia dưới 5%).

Kết quả khảo sát cho thấy một số vấn đề sau đây:
41 câu trả lời



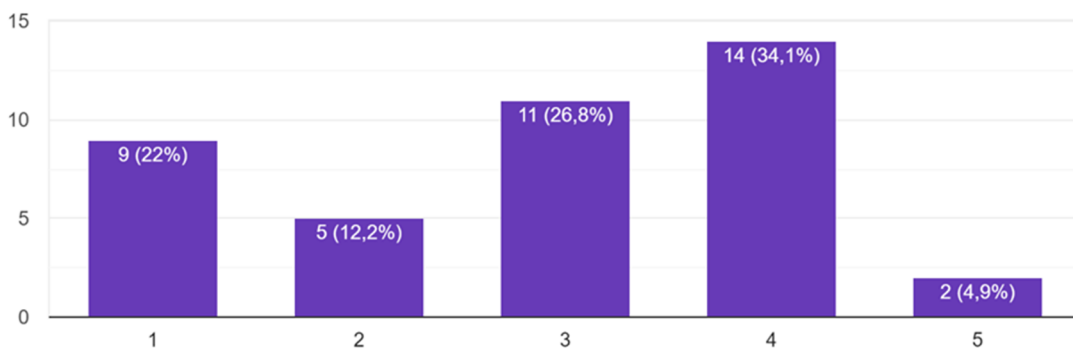
Hình 2: Nhận định của GV về cách hiệu trưởng hướng dẫn thực hiện CTNT

– Về những khó khăn khi phát triển CTNT, đánh giá của GV có sự phân tán. Chẳng hạn, câu hỏi “những nguyên nhân khiến GV gặp khó là gì?” thì số ý kiến hoàn toàn không đồng ý so với số ý kiến

– Kiến thức của GV về CTNT khá tốt (chỉ 2% số GV hỏi trả lời sai). Trong đó, câu hỏi có các câu trả lời sai nhiều là “*Bản chất của CTNT*”. Trong câu này có hai phương án trả lời thì có 41,5% trả lời phương án *một hệ thống nội dung kiến thức và kỹ năng mới phù hợp với đơn vị* và 58,5% chọn *một hệ thống nội dung kiến thức và kỹ năng được cải tiến từ chương trình hiện hành*. Thật ra, câu hỏi này có thể do cách diễn đạt chưa rõ nội dung (giữa khái niệm “mới” và “được cải tiến”) nên GV chưa thật chú ý.

– Về kỹ năng lãnh đạo của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, đa phần GV đều có đánh giá tốt. Hình 2 cho thấy có 48,8% số người tham gia trả lời đánh giá ở mức 5 (hoàn toàn đồng ý)

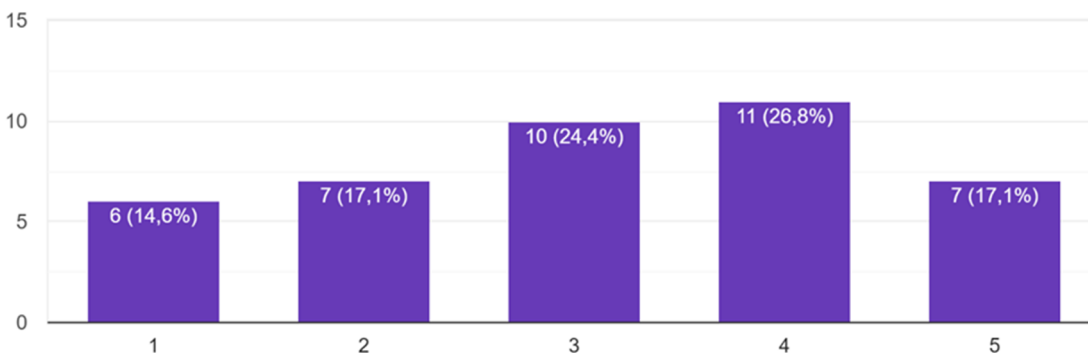
rất đồng ý không chênh lệch nhiều. Kết quả này cho thấy, nếu GV thực sự làm việc, thực sự tham gia phát triển CTNT thì vấn đề này không khó; nhưng nếu chưa từng tham gia thì sẽ gặp khó khăn.



Hình 3: GV tự đánh giá về mức độ hiểu các vấn đề liên quan đến chương trình

Với vấn đề phân biệt giữa chuẩn kiến thức chương trình và nội dung trong sách giáo khoa, ý kiến của GV cũng phân hóa khá rõ. Một nhóm cho rằng trong quá trình dạy học, vẫn còn nhiều GV bám theo nội dung trong sách giáo khoa mà không xuất phát từ chuẩn chương trình, gây khó khăn cho việc

thay đổi thiết kế dạy học theo chủ đề. Ngược lại, một số ý kiến khác lại phát biểu, hiện nay phân đông GV đã biết rõ vai trò của chuẩn chương trình, có thể vận dụng để thiết kế CTNT. Kết quả cho thấy, cách đánh giá của nhiều GV về chuẩn chương trình, chuẩn kiến thức và sách giáo khoa còn phân tán.



Hình 4. GV tự đánh giá khả năng vận dụng chuyển chương trình và nội dung sách giáo khoa khi thiết kế dạy học

Về ý kiến đối với phát triển CTNT và công tác quản lý của hiệu trưởng, có 12/ 22 người đóng góp, tập trung vào các vấn đề sau:

(1) *Công tác tập huấn, triển khai:* Tất cả GV cần được tham dự các buổi triển khai, tập huấn về xây dựng CTNT để mỗi GV hiểu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, đi đến thống nhất trong cách làm.

(2) *Cấu trúc chương trình:* Trước khi đổi mới chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, chính GV phải là những người có “tư duy mở”, cần chấp nhận những ý kiến trái chiều để phân tích vấn đề, hơn là ngại đổi mới, sợ khó khăn, thiếu năng động, thậm chí làm việc mang tính chống đối,... CTNT cần hướng đến phát triển năng lực người học; tránh sự lắp ghép, tổng hợp từ nhiều nội dung gây áp lực, quá tải với người học lẫn người dạy.

(3) *Công tác của tổ CM:* Xây dựng chương trình cần có sự phối hợp của tất cả các thành viên trong tổ CM, không phải là trách nhiệm của riêng ai; hiệu trưởng cần chỉ đạo tổ trưởng phải tra dồi năng lực đổi mới và có khả năng giải đáp tất cả các câu hỏi của GV trong tổ. Thực tế, dù CTNT là do sự chỉ đạo của BGH nhưng người quản lý và điều tiết trực tiếp là tổ trưởng CM, nên vai trò của tổ trưởng CM trong việc xây dựng chương trình nhà trường là cực kỳ quan trọng. Tổ trưởng có thể không trực tiếp tham gia biên soạn chương trình nhưng họ cần có khả năng thấy được điểm mạnh trong công tác CM của từng thành viên trong tổ. Khi phân công các cá nhân trong tổ biên soạn CTNT, tổ trưởng cần chú ý năng lực CM của từng cá nhân để phát huy, tránh cào bằng, bỏ đều để rồi ai cũng làm nhưng không ai làm việc thực sự. Việc đánh giá chương trình cần thực hiện liên tục, không nhất thiết phải đợi hết năm học.

(4) *Cách thức thực hiện*: Trước khi CTNT được áp dụng đại trà cho tất cả các lớp trong khối, nên thí điểm CTNT trước ở vài lớp. Do đặc thù về tính cảm xúc và tính hình tượng của bộ môn, GV Ngữ văn nên dạy thử nghiệm ở nhiều lớp và một khối lớp có thể phân công cho nhiều GV. Như vậy có thể sẽ thu nhận được nhiều ý kiến đóng góp có ích cho chương trình. Với các lớp thử nghiệm, tổ CM cần thống nhất phương án kiểm tra đánh giá để tránh cho các em thiệt thòi về kết quả điểm số. Cần tham khảo ý kiến chuyên gia từ các trường đại học.

(5) *Môn Tiếng Anh*: CTNT nên chọn dạy các nội dung thi chứng chỉ IELTS cho tất cả các lớp sau khi kiểm tra kỹ năng để xếp lớp HS theo trình độ. Từ CTNT, việc lựa chọn tài liệu luyện thi IELTS để giảng dạy sẽ phù hợp và cần lồng ghép các hoạt động giao tiếp thực tế và tổ chức các câu lạc bộ để HS luyện tập.

(6) *Tương lai*: Cần có những hội thảo trong tổ bộ môn, trong trường, liên trường,... để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm thực hiện xây dựng CTNT ở từng bộ môn, giữa các trường, và giữa các địa phương.

Các ý kiến trên cho thấy, bên cạnh nhiều GV có nhận thức tốt về CTNT thì vẫn còn một số GV còn hạn chế trong sự hiểu biết và cách xây dựng CTNT. Nguyên nhân có thể do tổ trưởng CM chưa thật quyết tâm trong khâu chỉ đạo và làm gương trong quá trình thực hiện. Ý kiến đóng góp cũng bộc lộ vai trò quan trọng của tổ trưởng CM trong việc tổ chức dẫn dắt GV bởi lẽ tổ trưởng không chỉ là người am hiểu mà còn có khả năng giải đáp những thắc mắc của GV, người có khả năng gạn lọc nội dung chương trình và xác định những nội dung nào thật sự không cần thiết để mạnh dạn cấu trúc chương trình.

3 KẾT LUẬN

CTNT không phải là việc thay đổi toàn bộ cấu trúc nội dung dạy học theo một hướng hoàn toàn mới, cũng không phải là sự cải biến nội dung hiện tại sao cho phù hợp với thời lượng; CTNT là việc xác định mục tiêu dạy học và nội dung dạy học các chủ đề dựa trên thực trạng đơn vị, đội ngũ GV và thực tế địa phương. Các bước xây dựng CTNT và chủ đề dạy học có mối liên hệ mật thiết với nhau. Chủ đề dạy học chỉ có thể sát hợp với đối tượng khi trường có được chương trình riêng. Thực hiện của đơn vị trong những năm qua đã làm thay đổi nhận thức của GV. Đa số GV thừa nhận việc phát triển

CTNT là một cách hỗ trợ hữu hiệu cho thiết kế các hoạt động dạy học theo chủ đề. Ý kiến GV cũng cho thấy trong quá trình chỉ đạo, làm rõ mục tiêu, nguyên tắc và cách thức làm việc cho tất cả GV, trong đó vai trò của tổ trưởng CM cần được hiệu trưởng quan tâm. Dù còn nhiều khó khăn nhưng việc phát triển CTNT là một định hướng cần thiết cho các trường phổ thông không chỉ cho chương trình hiện thời mà còn cho cả chương trình đổi mới sau năm 2020. Trong hệ thống trường chuyên biệt thì công việc này còn cần thiết gấp đôi bởi lẽ mục tiêu và nhiệm vụ phát hiện, bồi dưỡng nhân tài trong một bối cảnh cụ thể đòi hỏi cần có một chương trình mở, linh động và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006. Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013. Công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 hướng dẫn thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông.
- Trần Thanh Bình và Phan Tấn Chí, 2014. Năng lực quản lý và phát triển chương trình giáo dục ở Trung học phổ thông, tài liệu Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2. Bộ GD&ĐT xuất bản. Hà Nội, 64 trang.
- Nguyễn Hữu Châu, 2006. Đổi mới giáo dục trung học phổ thông. Tạp chí Khoa học Giáo dục. 10: 5-10
- Trần Trọng Hà, 2015. Quản lý chương trình giáo dục trung học phổ thông theo định hướng năng lực. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản. Hà Nội.
- Trần Hữu Hoan, 2011. Phát triển Chương trình giáo dục. Tập bài giảng cho học viên khóa đào tạo chuyên ngành quản lý giáo dục. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản. Hà Nội, 125 trang.
- Nguyễn Trọng Hoàn, 2017. Đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực HS, ngày truy cập: 16/4/2019. Địa chỉ: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-trung-hoc/Pages/default.aspx?ItemID=5074>.
- Lê Chi Lan, 2017. Vấn đề xác định mục tiêu dạy học theo đổi mới dạy học môn Toán. Tạp chí Khoa học trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.12: 185-194.